|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ CÔNG THƯƠNG** | **PHỤ LỤC III**  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần**

**thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương trong kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023**

(*Ban hành kèm theo Quyết định số …………/QĐ-BCT ngày …../01/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

**A. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRONG KỲ HỆ THỐNG HÓA 2019 - 2023**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên loại**  **văn bản[[1]](#endnote-1)** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản;**  **tên gọi của văn bản** | **Nội dung, quy định**  **hết hiệu lực, ngưng hiệu lực[[2]](#endnote-2)** | **Lý do hết hiệu lực,**  **ngưng hiệu lực** | **Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực** |
| **I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN** | | | | | |
| **I.1. LĨNH VỰC QUẢN LÝ NGOẠI THƯƠNG** | | | | | |
|  | Thông tư | 12/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 [quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định 69/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương](https://luatvietnam.vn/thuong-mai/thong-tu-12-2018-tt-bct-quy-dinh-chi-tiet-luat-quan-ly-ngoai-thuong-164454-d1.html) | Phụ lục I - Danh mục hàng tiêu dùng, thiết bị y tế, phương tiện đã qua sử dụng cấm nhập khẩu | Được thay thế bằng Phụ lục I ban hành kèm theo ngày 31 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều quy định danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu ban hành kèm theo một số thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương (Thông tư số 08/2023/TT-BCT ) | 16/5/2023 |
| Phụ lục II - Danh mục hàng hóa tạm ngừng kinh doanh tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu | Được thay thế bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 08/2023/TT-BCT | 16/5/2023 |
|  | Thông tư | 05/2018/TT-BCT ngày 03/4/2018 quy định về xuất xứ hàng hóa | Phụ lục I | Được thay thế bởi Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 44/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 |  |
| Phụ lục II | Được thay thế bởi Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 44/2023/TT-BCT ngày 29/12/2023 | 15/02/2024 |
| Cụm từ “điểm g đến điểm l khoản 1 Điều 7 Thông tư này” tại khoản 1 Điều 9 | Đươc thay thế băng cụm từ “điểm g đến điểm l khoản 1 Điều 8 Thông tư này” tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 44/2023/TT-BCT | 15/02/2024 |
|  | Thông tư | 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016 [về việc thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN](https://luatvietnam.vn/xuat-nhap-khau/thong-tu-22-2016-tt-bct-bo-cong-thuong-109447-d1.html) | Phụ lục IV- Danh mục các mặt hàng công nghệ thông tin (ITA) tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 22/2016/TT-BCT | Được thay thế bằng Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN (sau đây gọi là Thông tư số 22/2016/TT-BCT). | 01/01/2020 |
| Khoản 1 Điều 3 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 25/2019/TT-BCT | 01/01/2020 |
| Khoản 7, 8, 9 Điều 2 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 10/2022/TT-BCT ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN | 01/01/2020 |
|  | Thông tư | 19/2020/TT-BCT ngày 14/8/2020 [về việc sửa đổi, bổ sung các Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN](https://luatvietnam.vn/thuong-mai/thong-tu-19-2020-sua-doi-quy-tac-xuat-xu-hang-hoa-hiep-dinh-thuong-mai-asean-189926-d1.html) | [Khoản 1,](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=1417791) [khoản 2](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=1417792)và [khoản 3 Điều 1](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=1417793) | Bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 10/2022/TT-BCT ngày 01 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại hàng hóa ASEAN | 16/7/2022 |
|  | Thông tư | 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 [quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu](https://luatvietnam.vn/thuong-mai/thong-tu-11-2020-quy-tac-xuat-xu-hang-hoa-hiep-dinh-thuong-mai-viet-nam-eu-185016-d1.html) | Phụ lục II tại điểm b khoản 1 Điều 4 | Được bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 41/2022/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu | 20/02/2023 |
| Quyết định số 1949/QĐ-BCT ngày 24 tháng 7 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương đính chính Thông tư số 11/2020/TT-BCT | Bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 41/2022/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 11/2020/TT-BCT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu | 20/02/2023 |
| **I.2. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI BIÊN GIỚI** | | | | | |
| **I.3. LĨNH VỰC KẾT CẤU HẠ TẦNG THƯƠNG MẠI** | | | | | |
| **I.4. LĨNH VỰC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI** | | | | | |
|  | Nghị định | 81/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 [quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại](https://luatvietnam.vn/thuong-mai/nghi-dinh-81-2018-nd-cp-quy-dinh-chi-tiet-luat-thuong-mai-ve-hoat-dong-xuc-tien-thuong-mai-163315-d1.html) | Bãi bỏ cụm từ “danh nghĩa Quốc gia Việt Nam” tại điểm đ khoản 6 và nội dung “Việc tổ chức tham gia hội chợ, triển lãm thương mại tại nước ngoài với danh nghĩa Quốc gia Việt Nam phải đạt được tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Công Thương” tại khoản 12 Điều 29; bãi bỏ cụm từ “Văn bản thỏa thuận/Hợp đồng gửi kèm” tại số thứ tự 11 Mẫu số 01, số thứ tự 9 Mẫu số 02 và bãi bỏ cụm từ “việc sử dụng danh nghĩa Quốc gia Việt Nam” tại số thứ tự 1 Mẫu số 10 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 81/2018/NĐ-CP | Được sửa đổi, bổ sung theo quy dịnh tại khoản 4 Điều 21 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 22/3/2020 |
|  | Thông tư | 33/2019/TT-BCT ngày 22 /11/2019 [quy định Hệ thống tiêu chí của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam](https://luatvietnam.vn/thuong-mai/thong-tu-33-2019-tt-bct-he-thong-tieu-chi-cua-chuong-trinh-thuong-hieu-quoc-gia-viet-nam-178649-d1.html) | Điểm a Khoản 2 Điều 6 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 25/2021/TT-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi Thông tư 33/2019/TT-BCT quy định hệ tiêu chí của Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam | 07/02/2022 |
| Phụ lục 2 | Được thay thế bởi Phụ lục 2 - Tiêu chí xét chọn sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 25/2021/TT-BCT. | 07/02/2022 |
|  | Thông tư | 11/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 [hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại](https://luatvietnam.vn/thuong-mai/thong-tu-11-2019-tt-bct-huong-dan-hoat-dong-xuc-tien-thuong-mai-phat-trien-ngoai-thuong-175974-d1.html) | Điều 9; Khoản 2 Điều 31 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 40/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2019/TT-BCT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương về việc hướng dẫn thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương thuộc Chương trình cấp quốc gia về Xúc tiến thương mại | 15/01/2021 |
| **I.5. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ** | | | | | |
|  | Nghị định | 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử | Điều 1 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thương mại điện tử (sau đây viết tắt là Nghị định số 85/2021/NĐ-C) | 01/01/2022 |
| Khoản 2 Điều 2 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 16 Điều 3 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm a khoản 1 Điều 4 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm d khoản 1 Điều 4 | Cụm từ “hoặc chưa được cấp phép” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm e khoản 1 Điều 4 | Cụm từ “hoặc xin cấp phép” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 1 Điều 5 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm b khoản 3 Điều 9 | Cụm từ “đã được cấp phép” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 1, 2, 5 Điều 24 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 1 Điều 25 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm c khoản 3 Điều 26 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 4 Điều 26 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 5 Điều 26 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 1 Điều 27 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 7 Điều 27 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm đ khoản 2 Điều 28 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP Chính phủ | 01/01/2022 |
| Khoản 3 Điều 29 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điều 30 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm b khoản 1 Điều 32 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm d khoản 1 Điều 33 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 2 Điều 35 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 1, 3, 8, 9 Điều 36 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 11 Điều 36 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 16 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm c, đ, g khoản 2 Điều 38 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm m, n, o khoản 2 Điều 38 | Được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 2 Điều 44 | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 1 Điều 53 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm a khoản 3 Điều 54 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm b khoản 2 Điều 55 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 1 Điều 60 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 2 Điều 60 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điều 62 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điều 63 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm c khoản 2 Điều 64 | Cụm từ “thủ tục xin cấp phép” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm đ khoản 2 Điều 64 | Được bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Mục 5 Chương IV | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điểm l khoản 1 Điều 78 | Cụm từ “chấm dứt hoặc bị thu hồi giấy phép” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Khoản 2 Điều 78 | Cụm từ “tước quyền sử dụng giấy phép” được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
| Điều 80 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 85/2021/NĐ-CP | 01/01/2022 |
|  | Thông tư | 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử | Khoản 2 Điều 1 | Bị bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 01/2022/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Công Thương quy định về quản lý website thương mại điện tử và Thông tư số 59/2015/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Công Thương quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động (sau đây viết tắt là Thông tư số 01/2022/TT-BCT) | 08/3/2022 |
| Điều 3, 4, 6, 13 | Bị bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 01/2022/TT-BCT | 08/3/2022 |
| Điều 5; Điều 20; Điều 20a | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BCT | 08/3/2022 |
| Chương II | Tên chương này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 01/2022/TT-BCT | 08/3/2022 |
| Khoản 2 Điều 27 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành (sau đây viết tắt là Thông tư số 42/2019/TT-BCT) | 05/02/2020 |
| Phụ lục Đơn đăng ký website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử (Mẫu TMĐT-1). | Được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 01/2022/TT-BCT | 08/3/2022 |
| Phụ lục Mẫu đề cương Báo cáo về tình hình hoạt động của website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử/ ứng dụng cung cấp dịch vụ thương mại điện tử (Mẫu TMĐT-3) | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Thông tư số 42/2019/TT-BCT | 05/02/2020 |
| Phụ lục Mẫu đề cương Báo cáo kết quả đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử (Mẫu TMĐT-4) | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Thông tư số 42/2019/TT-BCT | 05/02/2020 |
|  | Thông tư | 59/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thuơng Quy định về quản lý hoạt động thương mại điện tử qua ứng dụng trên thiết bị di động | Khoản 2 Điều 1 | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 01/2022/TT-BCT | 08/3/2022 |
| Khoản 2 Điều 2 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2022/TT-BCT | 08/3/2022 |
| Khoản 8 Điều 3 | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 01/2022/TT-BCT | 08/3/2022 |
| Khoản 1 Điều 5 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 01/2022/TT-BCT | 08/3/2022 |
| Điều 10, 13 | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 01/2022/TT-BCT | 08/3/2022 |
| **I.6. LĨNH VỰC CẠNH TRANH VÀ KINH DOANH THEO PHƯƠNG THỨC ĐA CẤP** | | | | | |
|  | Nghị định | 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 quy định về [quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp](https://luatvietnam.vn/thuong-mai/nghi-dinh-40-2018-nd-cp-quan-ly-hoat-dong-kinh-doanh-theo-phuong-thuc-da-cap-160678-d1.html) | **Khoản 2 Điều 3; khoản 8 Điều 3; điểm c khoản 1 Điều 7; điểm h khoản 1 Điều 7; khoản 3 Điều 9; khoản 7 Điều 9; khoản 10 Điều 9; khoản 11 Điều 9; điểm a khoản 1 Điều 10; điểm b khoản 3 Điều 12; điểm c khoản 4 Điều 14; điểm c khoản 1 Điều 16; Điều 18; khoản 2 Điều 20; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm đ khoản 1 Điều 23; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 24; khoản 2 Điều 26; Điều 27; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 28; điểm a khoản 1, khoản 3a Điều 36; điểm a khoản 3 Điều 37; Điều 38; Điều 39; khoản 13, khoản 14 Điều 40; khoản 5 Điều 41; Điều 43; điểm d khoản 2 Điều 44; khoản 4 Điều 49; Điều 49a; khoản 1 Điều 50; Điều 53; khoản 4 Điều 55; Điềm g khoản 1 Điều 56** | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp | 20/6/2023 |
| - Cụm từ “gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện” tại [điểm a khoản 3 Điều 12](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795222), [khoản 1 Điều 13](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795226), [khoản 2 Điều 21](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795281), [khoản 2 Điều 22](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795288), [khoản 1 và](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795311) [khoản 2 Điều 25](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795312), [khoản 1 Điều 52](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795528) và [điểm a khoản 4 Điều 52](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795536);  - Cụm từ “bưu điện” tại điểm a khoản 5 Điều 10 | - Được thay bằng cụm từ “nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính”;  - Được thay bằng cụm từ “dịch vụ bưu chính” tại khoản 40 Điều 1 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp | 20/6/2023 |
| - Cụm từ “Người đại diện của doanh nghiệp bán hàng đa cấp” tại điểm b khoản 1 Điều 22;  - Cụm từ “người đại diện tại địa phương” tại Mẫu số 7, Mẫu số 8, Mẫu số 11, Mẫu số 15 và Mẫu số 16 Phụ lục | - Được sửa đổi thành cụm từ “đầu mối của doanh nghiệp”;  - Được sửa đổi thành cụm từ “đầu mối tại địa phương” tại khoản 41 Điều 1 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp | 20/6/2023 |
| **I.7. LĨNH VỰC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CÔNG BẰNG TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ** | | | | | |
|  | Thông tư | 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại | Khoản 5 Điều 6; Khoản 4 Điều 10 và tên Điều 10; **Điều 11; Khoản 4 Điều 13; Khoản 1 Điều 16; Điều 20; Khoản 2 Điều 23; Điểm c khoản 1 Điều 26** | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 42/2023/TT-BCT ngày 28/12/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 37/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ công thương quy định chi tiết một số nội dung về các biện pháp phòng vệ thương mại | 16/02/2024 |
| **I.8. LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG** | | | | | |
|  | Nghị định | 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | **Cụm từ “Cục Quản lý cạnh tranh” tại khoản 1 Điều 34** | Được sửa đổi **thành “Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia”** Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10/2/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia | 01/4/2023 |
|  | Nghị định | 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp | **Khoản 8 Điều 3; Điểm c khoản 1 Điều 7; Điểm h khoản 1 Điều 7; Khoản 3 Điều 9; Khoản 7 Điều 9; Khoản 10 Điều 9; Khoản 11 Điều 9; Điểm a khoản 1 Điều 10; Điểm; b khoản 3 Điều 12; Điểm c khoản 4 Điều 14; Điểm c khoản 1 Điều 16; Điều 18; Khoản 2 Điều 20; Khoản 1 Điều 21; Khoản 3 Điều 21; Điểm đ khoản 1 Điều 23; Điểm a khoản 2 Điều 24; Khoản 3 Điều 24; Khoản 2 Điều 26; Điều 27; Khoản 1 Điều 28; Điểm b khoản 2 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 36; Khoản 3a Điều 36; Điểm a khoản 3 Điều 37; Điều 38; Điều 39; Khoản 13 Điều 40; Khoản 14 Điều 40; Khoản 5 Điều 41; Điều 43; Điểm d khoản 2 Điều 44; Khoản 4 Điều 49; Điều 49a; Khoản 1 Điều 50; Điều 53; Khoản 4 Điều 55; Điềm g khoản 1 Điều 56** | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 4 của Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp | 20/6/2023 |
| - Cụm từ “gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện” tại [điểm a khoản 3 Điều 12](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795222), [khoản 1 Điều 13](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795226), [khoản 2 Điều 21](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795281), [khoản 2 Điều 22](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795288), [khoản 1 và](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795311) [khoản 2 Điều 25](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795312), [khoản 1 Điều 52](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795528) và [điểm a khoản 4 Điều 52](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=795536);  - Cụm từ “bưu điện” tại điểm a khoản 5 Điều 10 | - Được thay bằng cụm từ “nộp trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính” tại khoản 40 Điều 1 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP;  - Được thay bằng cụm từ “dịch vụ bưu chính” tại khoản 40 Điều 1 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP |  |
| - Cụm từ “Người đại diện của doanh nghiệp bán hàng đa cấp” tại điểm b khoản 1 Điều 22;  - Cụm từ “người đại diện tại địa phương” tại Mẫu số 7, Mẫu số 8, Mẫu số 11, Mẫu số 15 và Mẫu số 16 Phụ lục | - Được sửa đổi thành cụm từ “đầu mối của doanh nghiệp” tại khoản 41 Điều 1 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP;  - Được sửa đổi thành cụm từ “đầu mối tại địa phương” tại khoản 41 Điều 1 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP | 20/6/2023 |
| Mẫu số 06a, Mẫu số 13a, Mẫu số 14a, Mẫu số 19, Mẫu số 20a, Mẫu số 20b, Mẫu số 21a và Mẫu số 21b Phụ lục | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 42 Điều 1 Nghị định số 18/2023/NĐ-CP | 20/6/2023 |
| **Cụm từ “Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng” tại khoản 2 Điều 54 và Phụ lục kèm theo Nghị định số 40/2018/NĐ-CP** | **Được sửa đổi thành “Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia” bởi khoản 3 Điều 6 Nghị định số 03/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia** | 01/4/2023 |
|  | Nghị định | 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | Điểm b khoản 3 Điều 73; Điểm t khoản 7 Điều 73; Điểm e khoản 9 Điều 73; , điểm c, điểm d, điểm đ, điểm n và điểm p khoản 7 Điều 73, điểm d, điểm e khoản 8 Điều 73; khoản 6a Điều 88 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi các Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khi, kinh doanh xăng dầu và khí; |  |
| Cụm từ “thương nhân” tại điểm i khoản 6 Điều 73 | Được sửa đổi thành “doanh nghiệp” bởi điểm b, d Khoản 41 Điều 3 Nghị định số 17/2022/NĐ-CP; | 31/01/2022 |
|  | Quyết định | 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung | Số thứ tự 2: Cung cấp nước sạch sinh hoạt | Số thứ tự 2: Sửa thành “Cung cấp nước sinh hoạt” bởi Khoản 1 Điều 1 Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành danh mục hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phải đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. | 15/10/2015 |
| Số thứ tự 4: “Thuê bao điện thoại cố định” | Số thứ tự 4: Sửa thành “Dịch vụ điện thoại cố định mặt đất” bởi Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg |
| Số thứ tự 5: “Thuê bao di động trả sau” | Số thứ tự 5: Sửa đổi, bổ sung thành:  - “Dịch vụ thông tin di động mặt đất (hình thức thanh toán: trả sau)  - Dịch vụ thông tin di động mặt đất (hình thức thanh toán: trả trước)” theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg |
| Số thứ tự 6: “Kết nối internet” | Số thứ tự 6: Sửa thành “Dịch vụ truy nhập internet”.  bởi Điều 1 và Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg. |
|  | Thông tư | 10/2018/TT-BCT ngày 24/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp | Điều 1, Điều 2, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, cụm từ “Cục Cạnh tranh và Bảo vệ người tiêu dùng” tại khoản 1 Điều 10 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2023/TT-BCT ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BCT ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp;  Bãi bỏ bởi Điều 2 Thông tư số 12/2023/TT-BCT | 21/7/2023 |
| Điều 4, Phụ lục 2, Phụ lục 3 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 12/2023/TT-BCT | 21/7/2023 |
| **I.9. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM** | | | | | |
| **I.10. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG** | | | | | |
|  | Nghị định | 68/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017 về quản lý, phát triển cụm công nghiệp | Khoản 1 Điều 1, Khoản 11 Điều 2, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điểm a khoản 1 Điều 10, Khoản 3 Điều 15, . Khoản 1 Điều 35, khoản 1 và 2 Điều 42 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp | 01/8/2020 |
| Thay đổi cụm từ “QUY HOẠCH” bằng cụm từ “PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN” tại tên Chương II và bằng cụm từ “PHƯƠNG ÁN” tại tên Mục 1 Chương II | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp | 01/8/2020 |
| Thay đổi cụm từ “quy hoạch” bằng cụm từ “phương án phát triển” tại Điều 4, khoản 1 Điều 33, các khoản 1 và 3 Điều 43 và bằng cụm từ “xây dựng phương án phát triển” tại khoản 1 Điều 44; cụm từ “quy hoạch đã được thỏa thuận” bằng cụm từ “phương án phát triển cụm công nghiệp nằm trong quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt” tại khoản 4 Điều 12; cụm từ “quy hoạch” bằng cụm từ “phương án phát triển cụm công nghiệp” tại khoản 1 Điều 31 và khoản 5 Điều 35. | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 66/2020/NĐ-CP ngày 11/6/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp | 01/8/2020 |
| **I.11. LĨNH VỰC CƠ KHÍ – LUYỆN KIM – CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ** | | | | | |
|  | Nghị định | 116/2017/NĐ-CP ngày 17/10/2017 quy định về điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô | Điểm b khoản 2 Điều 2; Khoản 11 Điều 3; Điểm a khoản 2 Điều 6; Khoản 3 Điều 6; Khoản 4 Điều 6; Khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 7; Điểm e và h khoản 2 Điều 8; Điểm đ khoản 1 Điều 19; Điểm i khoản 2 Điều 19; Khoản 8, 9 và 10 Điều 21; Điểm d khoản 2 Điều 22; Khoản 8 Điều 27 | Được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 05/02/2020 |
| Mẫu số 5 của Phụ lục ban hành kèm theo | Thay thế mẫu số 05 của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 116/2017/ NĐ-CP bằng mẫu số 15 Mục III tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 | 05/02/2020 |
|  | Thông tư | 55/2015/TT-BCT ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp ưu tiên phát triển | Điểm a khoản 2 Điều 3; Khoản 1; Điểm c, d khoản 2 Điều 11 | Thay đổi từ “Vụ Công nghiệp nặng” thành từ “Cục Công nghiệp” theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Thông tư số 42/2019/TT -BCT | 05/02/2020 |
| Điều 10; Điểm d khoản 2 Điều 11 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Thông tư số 42/2019/TT -BCT | 05/02/2020 |
| Phụ lục 1 | Thay thế Phụ lục 1 - Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trong nước đã sản xuất được trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư số 55/2015/TT-BCT bằng Phụ lục 1 - Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển trong nước đã sản xuất được trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 ban hành kèm theo Thông tư 19/2021/TT-BCT theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 19/2021/TT-BCT ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 55/2015/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2015 quy định trình tự, thủ tục xác nhận ưu đãi và hậu kiểm ưu đãi đối với các Dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển | 12/01/2022 |
| Mẫu số 01 và mẫu số 02 Phụ lục 4 | Được bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Thông tư số 42/2019/TT -BCT | 05/02/2020 |
| **I.12. LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN, QUY CHUẨN KỸ THUẬT CHUNG** | | | | | |
| **I.13. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM** | | | | | |
|  | Thông tư | 43/2018/TT-BCT ngày ngày 15/11/2018 Quy định quản lý về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương | Điều 4, Điều 5 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 03/8/2020 |
| Mẫu số 01a, 01b, 02a, 02b, 3a, 3b, 04, 05a, 05b, 05c của Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này. | Bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 03/8/2020 |
|  | Thông tư | 40/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | Chương II, Chương IV, Chương V | - Bị bãi bỏ theo quy dình tại Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.  - Bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày ngày 15/11/2018 Quy định quản lý về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương | 20/01/2017  01/8/2019 |
| Thay thế cụm từ “quy định tại Điều 4 và Điều 5 Thông tư này” thành “Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP”; | Bị thay thế theo quy dịnh tại Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Nội dung này đã được sửa đổi tại Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP | 20/01/2017 |
| Thay thế cụm từ “quy định tại Điều 5” thành “Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP”. | Bị thay thế theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Nội dung này đã được sửa đổi tại Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP | 20/01/2017 |
| Khoản 1 và khoản 3 Điều 8 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 20/01/2017 |
| Khoản 1 Điều 14 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 20/01/2017 |
|  | Thông tư liên tịch | 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm | Nội dung “Vụ Khoa học và Công nghệ - Bộ Công Thương là cơ quan đầu mối tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Công Thương chỉ định các cơ quan, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp thực phẩm của ngành công thương thực hiện việc xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.” tại Điều 9 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 03/8/2020 |
| **I.14. LĨNH VỰC ĐIỆN LỰC** | | | | | |
|  | Luật | 28/2004QH11 ngày 03/12/2004  Điện lực | Khoản 2 Điều 4 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Luật số 03/2022/QH 15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Đầu tư; Luật Nhà ở; Luật Đấu thầu; Luật Điện lực; Luật Doanh nghiệp; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Thi hành án dân sự | 01/3/2022 |
|  | Luật | 24/2012/QH13 ngày 20/11/2012  Điện lực | Khoản 4 Điều 1 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch | 01/01/2019 |
|  | Nghị định | 137/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013; Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật điện lực và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật điện lực | Điểm a khoản 1 Điều 11; Khoản 4 Điều 11 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 8 NĐ số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ [về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công](https://luatvietnam.vn/hanh-chinh/nghi-dinh-104-2022-nd-cp-239111-d1.html) | 01/01/2023 |
| Khoản 2 Điều 3; Điểm a, điểm d khoản 2 Điều 3; Điểu 28 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 15/01/2018 |
| Khoản 4, khoản 6 Điều 29, | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 [của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương](https://luatvietnam.vn/thuong-mai/nghi-dinh-17-2020-nd-cp-sua-doi-cac-nghi-dinh-ve-dieu-kien-dau-tu-kinh-doanh-180465-d1.html) | 22/3/2020 |
| Khoản 2 Điều 30 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 | 22/3/2020 |
| Khoản 3 Điều 31; Khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 32; Khoản 2, 3 Điều 33; Điều 34, 35, 36, 37; Khoản 1,2,4,5 Điều 39; Khoản 1,2,4,5 Điều 40; Khoản 1,2,4,5 Điều 41; Khoản 1,2,4,5 Điều 42; Khoản 1,2,4,5 Điều 43; Khoản 1,2,4,5 Điều 44 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định số 08/2018/NĐ-CP sửa đổi một số Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 15/01/2018 |
| Điều 45 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 3 NĐ số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 | 22/3/2020 |
|  | Nghị định | 08/2018/NĐ-CP ngày 15/01/2018; Nghị định sửa đổi một số Nghị định liên quan đến Điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | Điểm b khoản 3 Điều 6; Điểm b khoản 4 Điều 6; Khoản 5 Điều 6; Điểm b khoản 6 Điều 6; Khoản 7 Điều 6; Khoản 8 Điều 6; Khoản 9 Điều 6; Khoản 10 Điều 6; Khoản 11 Điều 6; Điểm b khoản 12 Điều 6; Điểm b khoản 13 Điều 6 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 ngày 05 tháng 02 năm 2020 [của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương](https://luatvietnam.vn/thuong-mai/nghi-dinh-17-2020-nd-cp-sua-doi-cac-nghi-dinh-ve-dieu-kien-dau-tu-kinh-doanh-180465-d1.html) | 22/3/2020 |
|  | Nghị định | 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện | Khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 6, khoản 1 Điều 9, điểm đ khoản 2 Điều 9, điểm c,d khoản 1 Điều 17, Điều 19, Điều 21, điểm d khoản 1 Điều 24 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 51/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện (Nghị định số 14/2014/NĐ-CP) | 21/4/2020 |
|  | Quyết định | 37/2011/QĐ-TTg ngày 29/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam | Điều 3, 4, 5 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số [Quyết định 39/2018/QĐ-TTg sửa đổi, bổ sung Quyết định 37/2011/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam](https://luatvietnam.vn/cong-nghiep/quyet-dinh-39-2018-qd-ttg-co-che-ho-tro-cac-du-an-dien-gio-tai-viet-nam-166929-d1.html) | 01/11/2018 |
|  | Thông tư | 02/2019/TT-BCT ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió | Khoản 3 Điều 3; Điều 4, Điều 7; Khoản 2 Điều 9; Điểm c khoản 1 Điều 17 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 [Thông tư 01/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc bãi bỏ một số quy định tại Thông tư 02/2019/TT-BCT ngày 15/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện phát triển dự án điện gió và Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các dự án điện gió và Thông tư 18/2020/TT-BCT ngày 17/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời](https://luatvietnam.vn/dien-luc/thong-tu-01-2023-tt-bct-bo-cong-thuong-241569-d1.html) (gọi tắt là Thông tư 01/2023/TT-BCT) | 19/01/2023 |
| Nội dung sau đây tại [khoản 2 Điều 2](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=2102756): “2.1 Đối với dự án có ngày vận hành thương mại kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến trước ngày 01 tháng 11 năm 2021 a) Bên mua điện có trách nhiệm mua toàn bộ sản lượng điện từ dự án điện gió nối lưới với giá mua điện tại điểm giao nhận điện theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg đối với phần Nhà máy điện vận hành thương mại trước ngày 01 tháng 11 năm 2021. Đối với phần Nhà máy điện có ngày vận hành thương mại kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2021 (nếu có), giá mua điện sẽ được hai Bên xem xét đưa vào Hợp đồng mua bán điện sau khi có hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về cơ chế giá điện cho giai đoạn này. b) Giá mua điện quy định tại Mục a) được áp dụng 20 năm kể từ ngày vận hành thương mại của một phần hoặc toàn bộ nhà máy (tùy thuộc vào ngày vận hành thương mại của một phần hoặc toàn bộ nhà máy được xác định theo quy định tại Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg; khoản 9, Điều 1 và Điều 4 của Hợp đồng này). 2.2. Dự án đã vận hành phát điện trước ngày 01 tháng 11 năm 2018 được ký lại Hợp đồng mua bán điện với Bên mua điện để được áp dụng giá mua điện tại điểm giao nhận điện theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2018 đến hết thời hạn còn lại của Hợp đồng mua bán điện đã ký.” | Bị bãi bỏ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư 01/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 19/01/2023 |
| Nội dung sau đây tại [Phụ lục E](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=2102765):  “Hàng tháng Bên mua điện thanh toán cho Bên bán điện toàn bộ lượng điện năng mua bán trong tháng theo giá điện quy định tại khoản 2 Điều 2 theo công thức sau:  Q=k\*F\*Ag\*(1+t)  Trong đó:  - Q là tổng tiền điện thanh toán của Bên mua điện cho Bên bán điện (đồng);  - F là tỷ giá áp dụng là tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày Bên bán xuất hóa đơn thanh toán (đồng/USD).  - T là thuế suất thuế giá trị gia tăng (%).  - K là 0,085 (đối với dự án điện gió trong đất liền) hoặc 0,098 (đối với dự án điện gió trên biển), là hệ số điều chỉnh giá mua điện theo biến động của tỷ giá đồng/USD tương ứng 8,5 UScents/kWh hoặc 9,8 UScents/kWh theo quy định tại Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg ngày 29 tháng 6 năm 2011 về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam và Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 37/2011/QĐ-TTg.  - Ag là điện năng mua bán hàng tháng (kWh), trong đó, trường hợp nhà máy điện không có tua bin chạy thử nghiệm thu, điện năng mua bán hàng tháng được xác định là sản lượng điện năng giao lên lưới tại điểm giao nhận trong tháng thanh toán. Trường hợp nhà máy điện có tua bin chạy thử nghiệm thì điện năng mua bán hàng tháng được xác định như sau:  Ag = AG- Atn  + Ag: Sản lượng điện năng thực giao lên lưới tại điểm giao nhận điện trong tháng thanh toán.  + Atn Sản lượng điện năng chạy thử của các tua bin trong tháng thanh toán, được xác định như sau:  Atn = Pdm x C x Th x G  + Pdm Công suất định mức của 01 tua bin.  + C: Số tuabin chạy thử nghiệm trong tháng.  + Th: Số giờ chạy thử nghiệm trong tháng của 01 tuabin.  + G: Hệ số công suất tua bin trong tháng thanh toán, được tính trên cơ sở bình quân của toàn bộ các tua bin có phát điện thử nghiệm trong tháng.”. | Bị bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 1 Thông tư 01/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 19/01/2023 |
|  | Thông tư | 18/2020/TT-BCT ngày 17/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện mặt trời. | [Điểm a khoản 1 Điều 4](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=1406862) | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 01/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 19/01/2023 |
| Cụm từ “Giá mua bán điện của hệ thống điện mặt trời mái nhà thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Quyết định số 13/2020/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam.” tại điểm a khoản 1 Điều 5 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 01/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 19/01/2023 |
| Cụm từ “(không quá 01 MW và 1,25 MWp)” tại [điểm a khoản 2 Điều 5](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=1406874) | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 01/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 19/01/2023 |
| Một phần của Phụ lục 1 Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho dự án điện mặt trời nối lưới ban hành kèm theo Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020:  - [Điểm a,](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=2102778)  [điểm b](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=2102779)và [điểm d khoản 2 Điều 2](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=2102781)  - Cụm từ “và chấm dứt sau 20 (hai mươi) năm kể từ Ngày vận hành thương mại.” tại [Điều 6](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=2102910)  - Từ “2020” tại các [Phụ lục A,](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=2102768)  [B,](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=2102769) [C,](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=2102770) [D,](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=2102771)[E](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=2102772)và[G](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=2102773) | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 01/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 19/01/2023 |
| Khoản 1, khoản 2 Điều 2 của Phụ lục 2 Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho Hệ thống điện mặt trời mái nhà ban hành kèm theo Thông tư số 18/2020/TT-BCT ngày 17 tháng 7 năm 2020 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 01/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 19/01/2023 |
|  | Thông tư | 45/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện | Khoản 13 Điều 3; Khoản 14 Điều 3; Điều 7; Điều 16; Khoản 1 Điều 20; Khoản 2 Điều 23; Khoản 1 Điều 27; Điểm b Khoản 2 Điều 29; Điểm b Khoản 3 Điều 29; Điều 36; Khoản 3 Điều 37; Khoản 5 Điều 37; Điểm d Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 39; Khoản 1 Điều 42; Điều 43; Điểm d Khoản 1 Điều 46; Điểm g Khoản 1 Điều 46; Điểm b Khoản 2 Điều 46; Điểm c Khoản 1 Điều 47; Khoản 1 Điều 54; Điều 59; Điểm a Khoản 2 Điều 60; Khoản 3 Điều 60; Khoản 2 Điều 63; Khoản 2 Điều 64; Điểm c; Khoản 2 Điều 74; Khoản 2 Điều 92; Khoản 1 Điều 96; Khoản 2 Điều 97; Khoản 7 Điều 97; Khoản 9 Điều 97; Điểm b Khoản 1 Điều 98; Khoản 3 Điều 109; Điều 124 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Thông tư số 24/2019/TT-BCT ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [45/2018/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-45-2018-tt-bct-quy-dinh-van-hanh-thi-truong-ban-buon-dien-canh-tranh-332143.aspx" \o "Thông tư 45/2018/TT-BCT" \t "_blank) ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành Thị trường bán buôn điện cạnh tranh và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [56/2014/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-56-2014-tt-bct-phuong-phap-xac-dinh-gia-phat-dien-trinh-tu-kiem-tra-hop-dong-mua-ban-dien-261327.aspx) ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tựkiểm tra hợp đồng mua bán điện | 01/01/2020 |
| Điều 134 và Phụ lục 5 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện | 22/02/2021 |
|  | Thông tư | 44/2015/TT-BCT ngày 09/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án, biểu giá chi phí tránh được và hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối | Khoản 4 Điều 2, Điều 3, Điều 4, khoản 2 Điều 5, Điều 8, điểm c khoản 2, khoản 4 Điều 12, Phụ lục I, Phụ lục II | Bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 16/2020/TT-BCT | 20/8/2020 |
| Điều 7 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số 54/2018/TT-BCT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ Điều 7 của Thông tư 44/2015/TT-BCT ngày 09/12/2015 Quy định về phát triển dự án, Biểu giá chi phí tránh được và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành | 18/02/2019 |
|  | Thông tư | 43/2013/TT-BCT ngày 31/12/2013 của Bô trưởng Bộ Công Thương quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực | Điều 29 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Thông tư số 42/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành | 05/02/2020 |
|  | Thông tư | 57/2020/TT-BCT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện*.* | Khoản 1 Điều 17 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BCT bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện (gọi tắt là Thông tư số 02/2023/TT-BCT) | 19/01/2023 |
| Cụm từ “trước ngày khởi công xây dựng công trình” tại [khoản 1 Điều 25](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=1513849)  . | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BCT | 19/01/2023 |
| Đoạn “Đối với khí thiên nhiên khai thác trong nước qua hệ thống đường ống thu gom, vận chuyển, phân phối có tính độc quyền tự nhiên thì cước phí thu gom, vận chuyển, phân phối khí phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.” và “Trong trường hợp hạng mục tồn trữ, phân phối khí có tính độc quyền tự nhiên, cước phí tồn trữ, tái hóa và phân phối khí phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.” tại [khoản 1 Điều 26](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=1513860). | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BCT | 19/01/2023 |
| [Khoản 5 Điều 28](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=1513872) | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-BCT | 19/01/2023 |
|  | Thông tư | 13/2017/TT-BCT ngày 03/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [56/2014/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-56-2014-tt-bct-phuong-phap-xac-dinh-gia-phat-dien-trinh-tu-kiem-tra-hop-dong-mua-ban-dien-261327.aspx) ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện; Thông tư số [30/2014/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-30-2014-tt-bct-quy-dinh-van-hanh-thi-truong-phat-dien-canh-tranh-251589.aspx) ngày 02/10//2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư số [57/2014/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-57-2014-tt-bct-phuong-phap-trinh-tu-xay-dung-ban-hanh-khung-gia-phat-dien-261322.aspx) ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phátđiện | Điều 1 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Thông tư số 57/2020/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 22/02/2021 |
| Khoản 2 Điều 2 (sửa đổi khoản 3 Điều 6 Thông tư số 57/2014/TT-BCT) | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2021 | 28/12/2022 |
|  | Thông tư | 21/2015/TT-BCT ngày 23/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện | Khoản 3 Điều 1, Điều 13 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 12 Điều 1 Thông tư số 46/2018/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 21/2015/TT-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp xác định giá dịch vụ phụ trợ hệ thống điện, trình tự kiểm tra hợp đồng cung cấp dịch vụ phụ trợ hệ thống điện | 01/01/2019 |
|  | Thông tư | 57/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện | Khoản 2, Khoản 3 Điều 2; Khoản 2 Điều 3; Điều 4; Khoản 3 Điều 6; Điểm a khoản 4 Điều 6; Khoản 5 Điều 6; Điều 8; Điều 10; Khoản 1 Điều 11; suất tiêu hao nhiên liệu tinh và giá nhiên liệu chính tại Phụ lục 2 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 31/2022/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2022 | 28/12/2022 |
| Khoản 5 Điều 2 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 13/2017/TT-BCT ngày 03 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi Thông tư 56/2014/TT-BCT quy định phương pháp xác định giá phát điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện; Thông tư 30/2014/TT-BCT quy định vận hành thị trường phát điện cạnh tranh và Thông tư 57/2014/TT-BCT quy định phương pháp, trình tự xây dựng và ban hành khung giá phát điện | 19/9/2017 |
|  | Thông tư | 32/2014/TT-BCT ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự xây dựng, áp dụng Biểu giá chi phí tránh được và ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ | Khoản 1, Khoản 3 Điều 3 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 29/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 32/2014/TT-BCT ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về trình tự xây dựng, áp dụng biểu giá chi phí tránh được và ban hành Hợp đồng mua bán điện mẫu cho các nhà máy thủy điện nhỏ và bãi bỏ Thông tư 06/2016/TT-BCT ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 32/2014/TT-BCT ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 01/01/2020 |
| Điều 5, Khoản 3 và Khoản 6 Điều 10, Khoản 6 và Khoản 7 Điều 11, Khoản 2 Điều 14, Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục IV | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 1 [Thông tư 29/2019/TT-BCT](https://luatvietnam.vn/cong-nghiep/thong-tu-29-2019-tt-bct-sua-doi-thong-tu-32-2014-tt-bct-ve-hop-dong-mua-ban-dien-178480-d1.html) | 01/01/2020 |
|  | Thông tư | 44/2015/TT-BCT ngày 09/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về phát triển dự án, Biểu giá chi phí tránh được và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối. | Điều 7 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 54/2018/TT-BCT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bãi bỏ Điều 7 của Thông tư 44/2015/TT-BCT ngày 09 tháng 12 năm 2015 Quy định về phát triển dự án, Biểu giá chi phí tránh được và Hợp đồng mua bán điện mẫu áp dụng cho các dự án điện sinh khối | 18/02/2019 |
|  | Thông tư | 16/2014/TT-BCT ngày 29/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện | Điểm b khoản 1 Điều 4; Điểm b khoản 2 Điều 5; Tiêu đề khoản 1 Điều 6; Điểm b Khoản 1 Điều 9; Khoản 2 Điều 10; Điểm a khoản 3 Điều 10; Điểm a khoản 4 Điều 10; Điểm c khoản 4 Điều 10 (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 25/2018/TT-BCT); Điều 11; Điểm c khoản 2 Điều 12; Điểm c khoản 6 Điều 12; Điểm b khoản 2 Điều 13; Điểm c khoản 6 Điều 13; Điểm c khoản 2 Điều 14; Điểm c khoản 5 Điều 14; Điều 15; Khoản 1 Điều 16 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 06/2021/TT-BCT ngày 06 tháng 8 năm 2021 | 25/9/2021 |
| Cụm từ “phụ trách hộ khẩu” tại:  - Điểm c khoản 2 và điểm c khoản 6 Điều 12;  - Điểm b khoản 2; [điểm c khoản 6 Điều 13;](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=519548)  - [Điểm c khoản 2](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=519555) và điểm c khoản 5 Điều 14 | Bị bãi bỏ bởi khoản 10 Điều 1 Thông tư số 06/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện | 25/9/2021 |
| Cụm từ: "máy biến áp và sản lượng điện" tại khoản 2 Điều 5; | Được thay thế bằng cụm từ: "máy biến áp hoặc sản lượng điện" quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 06/2021/TT-BCT ngày 06 tháng 8 năm 2021 | 25/9/2021 |
|  | Thông tư | 25/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện truyền tải | Khoản 8, Khoản 9, Khoản 36 Điều 3 và Chương IV | Bị bãi bỏ bởi khoản 1 Điều 3 Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện truyền tải và Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối | 03/01/2020 |
| Khoản 10 Điều 3; Khoản 35, khoản 49 và khoản 53 Điều 3; Điều 7; Khoản 1, khoản 2, khoản 6 Điều 8; Điều 12; Khoản 3 Điều 28; Khoản 1 và khoản 2 Điều 32; Điều 36; Điểm a khoản 2 Điều 59; Điểm b khoản 3 Điều 64; Điều 72; Điểm b khoản 1 Điều 85; | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 | 03/01/2020 |
| Khoản 16 Điều 3; Khoản 1 Điều 38; Tên Điều 46; Đoạn 1 điểm c khoản 1 Điều 46; Tên Điều 47; Khoản 2 Điều 47; Tên Điều 48; Điểm a khoản 1 Điều 48; Khoản 5 Điều 49; Tên Điều 52; Điểm đ khoản 1 Điều 52; Tên Điều 53; Điểm a khoản 1 Điều 53; Khoản 4 Điều 59; Khoản 3 Điều 62; Điểm a, điểm c khoản 3 Điều 64; Đoạn 2 điểm a khoản 3 Điều 92, khoản 2 Điều 94 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 39/2022/TT-BCT ngày 3 tháng 12 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [30/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-30-2019-tt-bct-sua-doi-thong-tu-25-2016-tt-bct-39-2015-tt-bct-he-thong-dien-phan-phoi-428704.aspx) ngày 18 tháng 11 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số [25/2016/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-25-2016-tt-bct-he-thong-dien-truyen-tai-334019.aspx) ngày 30 tháng 11 nãm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện truyền tải và Thông tư số [39/2015/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-39-2015-tt-bct-he-thong-dien-phan-phoi-296868.aspx) ngày 18 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối | 16/02/2023 |
|  | Thông tư | 40/2014/TT-BCT ngày 05/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia. | Điểm d Khoản 39 Điều 3; Khoản 2 Điều 10; Khoản 2 Điều 11; Khoản 2, Khoản 3 Điều 14; Khoản 3 Điều 17; Điểm b Khoản 1 Điều 26; Điểm d Khoản 2 Điều 54; Điểm b Khoản 2 Điều 55;  Điều 60; Điều 61; Điều 64; Điều 65; Khoản 1 Điều 66; Khoản 3 Điều 132 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 31/2019/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quy trình xử lý sự cố trong hệ thống điện quốc gia; Thông tư số 40/2014/TT-BCT ngày 05 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quy trình điều độ hệ thống điện quốc gia và Thông tư số 44/2014/TT-BCT ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định quy trình thao tác trong hệ thống điện quốc gia | 03/01/2020 |
|  | Thông tư | 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện*.* | Khoản 6 Điều 7 | Bị bãi bỏ bởi Điều 1 Thông tư số 13/2022/TT-BCT bãi bỏ khoản 6 Điều 7 Thông tư số 05/2021/TT-BCT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện | 18/10/2022 |
|  | Thông tư | 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối | Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Chương IV; Khoản 2 Điều 28; Điều 32; Điều 41; Tên Điều 44; Điểm c khoản 2 Điều 44; Khoản 2 Điều 45; Khoản 2 Điều 51; Khoản 2, khoản 6 Điều 52; Điều 79; Khoản 1 Điều 82; | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 03/01/2020 |
| Điều 101 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 03/01/2020 |
| Khoản 1 Điều 37; Tên Điều 47; Tên Điều 48; Tên Điều 49; Khoản 3 Điều 49; Tên Điều 50; Điểm a khoản 1 Điều 50; Khoản 4 Điều 50; Tên Điều 55; Tên Điều 56; Điểm a khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 62; Điểm a khoản 1 Điều 64; | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 39/2022/TT-BCT ngày 3 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 16/02/2023 |
| Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 97 và Điều 98 | Bị bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2022/TT-BCT ngày 3 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 16/02/2023 |
|  | Thông tư | 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện truyền tải và Thông tư số 39/2015/TT-BCT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định hệ thống điện phân phối | Khoản 7 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 38 của TT số 25/2016/TT-BCT); Khoản 10 Điều 1 (sửa đổi khoản 2 Điều 37 của TT số 25/2016/TT-BCT); Khoản 11 Điều 1 (Sửa đổi khoản 3 Điều 38 của TT số 25/2016/TT-BCT); Khoản 12 Điều 1 (sửa đổi Điều 42 của TT số 25/2016/TT-BCT); Khoản 17 Điều 1 (sửa đổi Điều 73 Thông tư số 25/2016/TT-BCT); Khoản 18 Điều 1 (sửa đổi Điều 74 Thông tư số 25/2016/TT-BCT); Khoản 10 Điều 2 (sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 38 của TT số 39/2015/TT-BCT); Khoản 11 Điều 2 (sửa đổi Điều 40 của TT số 39/2015/TT-BCT); Khoản 13 Điều 2 (sửa đổi khoản 2 Điều 42 của TT số 39/2015/TT-BCT) | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 39/2022/TT-BCT ngày 3 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 16/02/2023 |
|  | Thông tư | 28/2014/TT-BCT ngày 15/9/2014 quy định quy trình xử lý sự cố trong hệ thống điện quốc gia | Điểm a, Điểm d Khoản 8 Điều 3; Khoản 9 Điều 3; Khoản 2 Điều 6; Khoản 2 Điều 8; Khoản 3 Điều 11; Khoản 1 Điều 22; Điều 38; Điều 45; Điều 46; Điều 48; Điều 49; Điều 50; Tiêu đề và Điểm a Khoản 2 Điều 51; Điều 52; Tiêu đề, Khoản 1 và Điểm a Khoản 2 Điều 53 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 31/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 03/01/2020 |
|  | Thông tư | 44/2014/TT-BCT ngày 28/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương tư quy định quy trình thao tác trong hệ thống điện quốc gia | Điểm đ Khoản 8 Điều 3; Điểm đ Khoản 9 Điều 3; Điểm d Khoản 10 Điều 3; Khoản 3 Điều 4; Khoản 1 Điều 6; Điều 13; Khoản 6 Điều 18; Điều 19 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 31/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 03/01/2020 |
|  | Thông tư | 02/2017/TT-BCT ngày 10/02/2017 quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định và phê duyệt giá truyền tải điện | Khoản 2 Điều 3; giải thích ký hiệu “VCSH,N” và “ROEN” tại khoản 7 Điều 5; Khoản 3, điểm a khoản 6 Điều 6; Khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 7; Điểm d khoản 2 Điều 8; Điều 9; Khoản 2 và khoản 3 Điều 10 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 14/2022/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 22/11/2022 |
| Cụm từ “Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia” tại khoản 2 Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 8 Điều 2, khoản 3 Điều 3, Điều 4, điểm b khoản 2 Điều 8, điểm c khoản 2 Điều 8 và điểm a khoản 3 Điều 8. | Được thay thế bằng cụm từ “Đơn vị truyền tải điện” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 14/2022/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 22/11/2022 |
| Cụm từ “Tổng công ty Điện lực” tại khoản 2 Điều 1, khoản 1 Điều 2, khoản 3 Điều 2 | Được thay thế bằng cụm từ “Tổng công ty Điện lực trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 14/2022/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 22/11/2022 |
| Cụm từ “theo quy định của Tập đoàn Điện lực Việt Nam” tại điểm a khoản 2 Điều 6, điểm d khoản 6 Điều 6 | Được thay thế bằng cụm từ “theo quy định của pháp luật” theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 14/2022/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 22/11/2022 |
|  | Thông tư | 57/2020/TT-BCT ngày 31/12/2020 quy định phương pháp xác định giá phát điện, hợp đồng mua bán điện | Khoản 3 Điều 7; Khoản 2 Điều 13; Điểm c khoản 3 Điều 15 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 31/2022/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2022 | 28/12/2022 |
| Điều 27 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 31/2022/TT-BCT ngày 08 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 28/12/2022 |
| Khoản 1 Điều 17 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 02/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 19/01/2023 |
| Cụm từ “trước ngày khởi công xây dựng công trình” tại khoản 1 Điều 25 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 02/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 19/01/2023 |
| Đoạn “Đối với khí thiên nhiên khai thác trong nước qua hệ thống đường ống thu gom, vận chuyển, phân phối có tính độc quyền tự nhiên thì cước phí thu gom, vận chuyển, phân phối khí phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.” và “Trong trường hợp hạng mục tồn trữ, phân phối khí có tính độc quyền tự nhiên, cước phí tồn trữ, tái hóa và phân phối khí phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.” tại khoản 1 Điều 26 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 02/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 19/01/2023 |
| Khoản 5 Điều 28 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 02/2023/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 19/01/2023 |
|  | Thông tư | 19/2014/TT-BCT ngày 18/6/2014 ban hành mẫu hợp đồng mua bán điện phục vụ mục đích sinh hoạt | Khoản 1 Điều 2 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 38/2022/TT-BCT ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 01/01/2023 |
|  | Thông tư | 22/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 quy định về điều kiện, trình tự ngừng, giảm mức cung cấp điện | Khoản 3 Điều 7 và khoản 3 Điều 10 | Bị bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 32 Thông tư số 42/2022/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 16/02/2023 |
|  | Thông tư | 19/2017/TT-BCT ngày 29/9/2017 quy định nội dung, phương pháp và trình tự thực hiện nghiên cứu phụ tải điện | Điều 27; Điều 29 | Bị sửa đổi theo quy định tại Điều 30 của Thông tư số 42/2019/TT-BCT ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 05/02/2020 |
|  | Thông tư | 25/2018/TT-BCT ngày 12 tháng 9 năm 2018; Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT quy định về thực hiện giá bán điện | Khoản 1 Điều 1 (bổ sung điểm c tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 16/2014/TT-BCT); khoản 5 Điều 1 (sửa đổi điểm c khoản 4 Điều 10 của Thông tư số 16/2014/TT-BCT) | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 06/2021/TT-BCT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 25/9/2021 |
|  | Thông tư | 06/2021/TT-BCT ngày 06/8/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về thực hiện giá bán điện | Khoản 10 Điều 1 | Bị bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 09/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 15/6/2023 |
|  | Thông tư | 21/2020/TT-BCT ngày 09 tháng 09 năm 2020; Thông tư Quy định về trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động điện lực | Khoản 5 Điều 4; Khoản 3 và khoản 4 Điều 6; Khoản 3, khoản 4 và khoản 9 Điều 7; Khoản 3 và khoản 4 Điều 8; Khoản 3 Điều 9; Điều 10; Khoản 3 tại Điều 12; Khoản 2 và điểm a khoản 11 Điều 14 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 của Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 09/6/2023 |
| Số thứ tự “10” tại khoản 10 sau khoản 11 Điều 14. | Được thay thế bằng số thứ tự “12” theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 09/6/2023 |
| Cụm từ “sau sáu tháng” tại khoản 1 Điều 5 của các Mẫu giấy phép 2a, 2b, 2c, 2d | Được thay thế bằng cụm từ “chậm nhất 06 tháng” theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 10/2023/TT-BCT ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương | 09/6/2023 |
| **I.15. LĨNH VỰC DẦU KHÍ** | | | | | |
|  | Nghị định | 99/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ [quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí](https://luatvietnam.vn/cong-nghiep/nghi-dinh-99-2020-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-dau-khi-189756-d1.html) | Điểm g Khoản 3 Điều 4; Điều 4a; Điều 4b; điểm c Khoản 3 Điều 24; điểm d Khoản 6 Điều 36; điểm c Khoản 6 Điều 38 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 4 Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí | 31/01/2020 |
| Điểm a Khoản 6 Điều 20; Khoản 5 Điều 21; điểm a Khoản 5 Điều 36; điểm a Khoản 5 Điều 38; điểm a Khoản 3 Điều 39; điểm a Khoản 5 Điều 40; điểm a Khoản 4 Điều 42; điểm b khoản 5 Điều 44, điểm b khoản 4 Điều 45, điểm b khoản 4 Điều 46, điểm a khoản 5 Điều 52, điểm b khoản 4 Điều 53 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 17/2022/NĐ-CP | 31/01/2020 |
| Khoản 7 Điều 20; Khoản 4 Điều 39; Khoản 6 Điều 40; khoản 5 Điều 42; điểm a Khoản 3 Điều 43; Khoản 4 Điều 43; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 60; Điều 61; Điều 62; ĐIều 63. | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 17/2022/NĐ-CP | 31/01/2020 |
|  | Nghị định | 13/2011/NĐ-CP ngày 11/02/2011 của Chính phủ quy định về an toàn Công trình dầu khí trên đất liền | Khoản 2 Điều 2; sửa đổi Điều 4; Điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 5, khoản 7 Điều 6; Khoản 1 Điều 8; Điểm d khoản 1 Điều 10; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 20; tên Chương VI; Khoản 7 Điều 23; Điều 25; Điểm b khoản 3; Điều 29 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 25/2019/NĐ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [13/2011/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/nghi-dinh-13-2011-nd-cp-an-toan-cong-trinh-dau-khi-118681.aspx) ngày 11 tháng 02 năm 2011 của Chính phủ về an toàn công trình dầu khí trên đất liền. | 22/4/2019 |
| Thay thế các Phụ lục I, II, III | Được sủa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 (Phụ lục I, II, III) Nghị định số 25/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ | 22/4/2019 |
| Thay thế cụm từ “đối tượng tiếp giáp” bằng cụm từ “đối tượng được bảo vệ” tại các Điều: Điều 3; Điều 11; tên Điều 19 và khoản 1 Điều 19; Điều 21; khoản 2 Điều 26 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 25/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ | 22/4/2019 |
| Điều 3; Khoản 3 Điều 6; Bãi bỏ Điều 7; Điểm c, đ khoản 1 Điều 10; Khoản 5, khoản 6 Điều 23. | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 25/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ | 22/4/2019 |
| **I.16. LĨNH VỰC HÓA CHẤT** | | | | | |
|  | Nghị định | 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 [Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp](https://luatvietnam.vn/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-71-2019-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hoa-chat-176451-d1.html) | Điểm a khoản 2 Điều 2; Điểm 1 khoản 3 Điều 3; Điều 4; Khoản 3 Điều 5; Khoản 4 Điều 5; Khoản 2 Điều 14; Khoản 3 Điều 14; Khoản 2 Điều 15; Khoản 2a Điều 15; Khoản 4 Điều 15; Khoản 1, khoản 2 Điều 16; Khoản 3 Điều 16;Khoản 5 Điều 16; Khoản 7 Điều 16; Khoản 8 Điều 16; Khoản 1, khoản 2 Điều 17; Khoản 3, Điều 17; Khoản 5, Điều 17; Khoản 7, Điều 17; Khoản 8, Điều 17; Điều 18; Khoản 1 Điều 19; Khoản 3 Điều 19; Khoản 4 Điều 19; Điểm b khoản 5 Điều 23; Khoản 2 Điều 24; Khoản 6 Điều 24; Khoản 7 Điều 24; Khoản 1 Điều 26; Khoản 5 Điều 26; Điều 27; Điều 29; Khoản 4 Điều 30; Khoản 1, khoản 2 Điều 31; Khoản 5, khoản 6 Điều 31; Khoản 1 Điều 31; Khoản 3 Điều 32; Khoản 4 Điều 32; Điểm d khoản 5 Điều 51; Khoản 6 Điều 51; Điểm c khoản 1 Điều 58; Điểm c khoản 2 Điều 58; Điểm c khoản 1 Điều 59; Đoạn mở đầu khoản 2 Điều 59; Điểm d khoản 2 Điều 59; Điểm d khoản 3 Điều 59; Đoạn mở đầu khoản 4 Điều 59; Đoạn mở đầu khoản 2 Điều 60; Đoạn mở đầu khoản 3 Điều 60; Điểm c khoản 3 Điều 60; Đoạn mở đầu khoản 4 Điều 60; Điểm d khoản 4 Điều 60; Điểm d khoản 5 Điều 60; Đoạn mở đầu khoản 6 Điều 60; Điều 61; Đoạn mở đầu khoản 2 Điều 62; Điểm c khoản 2 Điều 62; Điểm c khoản 3 Điều 62; Khoản 2 Điều 63; Khoản 3 Điều 63; Khoản 4 Điều 63; Điểm c khoản 4 Điều 64; Đoạn mở đầu khoản 5 Điều 64; Điểm c khoản 5 Điều 64; Khoản 6 Điều 64; Điểm a khoản 1 Điều 65; Điểm b khoản 1 Điều 65; Điểm e khoản 2 Điều 65; Điểm p khoản 2 Điều 65; Điểm q khoản 2 Điều 65; Khoản 3 Điều 65; Khoản 4 Điều 65; Khoản 5 Điều 65; Khoản 6 Điều 65; Điểm đ, e, g Khoản 7 Điều 65 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí | 31/01/2022 |
|  | Nghị định | 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 [quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất](https://luatvietnam.vn/cong-nghiep/nghi-dinh-113-2017-nd-cp-chinh-phu-117537-d1.html) | Khoản 11 Điều 1; Khoản 1 Điều 3; Điểm a khoản 1 Điều 9; Điểm a khoản 2 Điều 9 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 22/3/2020 |
| Khoản 3 Điều 9; Điều 10; Điểm a khoản 2 Điều 12; Khoản 8 Điều 12; Khoản 9 Điều 12; Khoản 4 Điều 15; Điểm a khoản 1 Điều 16; Điểm a khoản 2 Điều 16; Điểm b khoản 4 Điều 16; Điểm b khoản 5 Điều 16; Điểm a khoản 7 Điều 16; Khoản 8 Điều 16; Khoản 4 Điều 20; Điểm c khoản 8 Điều 20; Khoản 11 Điều 20; Khoản 2 Điều 21; Điểm d khoản 3 Điều 21; Điều 23; Số thứ tự 4 tại khoản 1 Điều 24; Điểm b khoản 4 Điều 27; Khoản 6 Điều 27; Khoản 6 Điều 28; Khoản 1 Điều 31; Điểm e khoản 3 Điều 33; Điểm đ khoản 4 Điều 33; Điểm a khoản 1 Điều 36; Điểm a khoản 3 Điều 36; Đổi số thứ tự 231 Bảng 1 Phụ lục IV; Điểm c khoản 2 Điều 16, điểm b, điểm d khoản 9 Điều 20, điểm a khoản 5 Điều 21; Phụ lục II và Phụ lục VI | Được sửa đổi bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 | 22/12/2022 |
| Điểm c khoản 1, điểm c và đ khoản 2 Điều 9; Điểm b khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 11; Một số hóa chất thuộc Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp của Phụ lục I | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 9 Nghị định 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 | 22/3/2020 |
|  | Nghị định | 38/2014/NĐ-CP ngày 06/5/2014 [quy định vê quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học](https://luatvietnam.vn/khoa-hoc/nghi-dinh-38-2014-nd-cp-chinh-phu-86571-d1.html) | Điểm a khoản 1 Điều 15; Khoản 1 Điều 16; Khoản 1 Điều 19; Điểm b khoản 2 Điều 19; Điểm c khoản 3 Điều 19; Khoản 1 Điều 20; Điểm b, e và g khoản 1 Điều 15; Điểm c khoản 1 Điều 17; Điểm đ khoản 1 Điều 15 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 22/3/2020 |
|  | Thông tư | 48/2018/TT-BCT ngày 21/11/2018 [sửa đổi một số điều của Thông tư 55/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 38/2014/NĐ-CP ngày 06/05/2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học](https://luatvietnam.vn/cong-nghiep/thong-tu-48-2018-tt-bct-quan-ly-hoa-chat-cua-cong-uoc-cam-phat-trien-vu-khi-hoa-hoc-168942-d1.html) | Khoản 1 Điều 1; Khoản 1, khoản 2 Điều 2 | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 03/8/2020 |
|  | Thông tư | 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 [quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất](https://luatvietnam.vn/cong-nghiep/thong-tu-32-2017-tt-bct-bo-cong-thuong-119323-d1.html) | Điểm b khoản 1 Điều 1; Điều 3a; Khoản 3 Điều 4; Khoản 3 Điều 6; Khoản 5 Điều 6; Khoản 1 Điều 7; Khoản 1, 2 Điều 9; Khoản 1 Điều 10; Mục 6 Phụ lục 8; Mục 9 Phụ lục 8; Mục 10 Phụ lục 8 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất | 22/12/2022 |
| Điểm a khoản 1 Điều 1; Điều 3; khoản 1, khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 5; khoản 4 Điều 6; khoản 1, khoản 2 Điều 8; điểm b khoản 5 Điều 10; điểm b khoản 3 Điều 11; các Phụ lục 1, 2, 6; Phần 3 Phụ lục 7 | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 | 22/12/2022 |
| Phụ lục 3, Phụ lục 5 | Được thay thế bằng Phụ lục 3, Phụ lục 5 bởi khoản 2 Điều 2 Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 | 22/12/2022 |
|  | Thông tư | 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 [sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực](https://luatvietnam.vn/hanh-chinh/thong-tu-04-2016-tt-bct-sua-doi-mot-so-thong-tu-ve-tthc-linh-vuc-thuong-mai-dien-tu-hoa-chat-105811-d1.html) | Điều 2, Điều 3 | Được bãi bỏ theo quy định tại điểm m khoản 3 Điều 12 Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất | 28/12/2017 |
|  | Thông tư | 55/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 [quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 38/2014/NĐ-CP ngày 06/05/2014 của Chính phủ về quản lý hóa chất thuộc diện kiểm soát của Công ước Cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá hủy vũ khí hóa học](https://luatvietnam.vn/cong-nghiep/thong-tu-55-2014-tt-bct-bo-cong-thuong-91983-d1.html) | Điểm b khoản 2 Điều 4 | Được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 48/2018/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Bộ Công Thương về việc sửa đổi một số điều của Thông tư số 55/2014/TT-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quản lý hoá chất của Công ước cấm phát triển, sản xuất, tàng trữ, sử dụng và phá huỷ vũ khí hoá học | 07/01/2019 |
| Các quốc gia Angola, Myamar, East Timore | Được bổ sung vào Danh sách các quốc gia thành viên Tổ chức cấm vũ khí hóa học tại Phụ lục ban hành kèm theo bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 48/2018/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2018 | 07/01/2019 |
| Mẫu 1 “Đơn đề nghị cấp Giấy phép, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF | Được thay thế thành Phụ lục “Đơn đề nghị cấp Giấy phép, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng, hóa chất DOC, DOC-PSF” bởi khoản 2 Điều 1 Thông tư số 48/2018/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2018 |  |
| Điểm a, điểm d khoản 1 Điều 4 | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 48/2018/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2018 | 07/01/2019 |
| Nội dung tại điểm b khoản 1 Điều 4: “Kho chứa hoặc kho chứa theo hợp đồng thuê kho phải phù hợp, đáp ứng được các yêu cầu công nghệ bảo quản hóa chất, đảm bảo tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn về phòng, chống cháy nổ. Kho chứa hóa chất phải có bảng nội quy về an toàn hóa chất, có biển báo nguy hiểm treo ở nơi dễ nhận thấy, có hệ thống báo hiệu phù hợp với mức độ nguy hiểm và thể hiện đầy đủ các đặc tính nguy hiểm của hóa chất” | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 48/2018/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2018 | 07/01/2019 |
| Khoản 4, Khoản 8, khoản 9 Điều 6 | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 48/2018/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2018 | 07/01/2019 |
| Mẫu 4 “Bản kê khai thiết bị, kỹ thuật của cơ sở sản xuất hóa chất Bảng” | Được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư số 48/2018/TT-BCT ngày 21 tháng 11 năm 2018 | 07/01/2019 |
| Khoản 1 Điều 6 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 07/01/2019 |
| Khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều 6; Mẫu 2 của Phụ lục ban hành kèm theo | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 | 07/01/2019 |
| **I.17. LĨNH VỰC VẬT LIỆU NỔ CÔNG NGHIỆP – AN TOÀN CÔNG NGHIỆP** | | | | | |
|  | Thông tư | 13/2018/TT-BCT ngày 15/6/2018 [quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp](https://luatvietnam.vn/cong-nghiep/thong-tu-13-2018-tt-bct-quan-ly-su-dung-vat-lieu-no-cong-nghiep-164619-d1.html) | Điều 1; Điều 4; Điểm b khoản 3 Điều 20 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trượng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp | 15/01/2021 |
| Phụ lục I | Được thay thế bởi Phụ lục I ban hàng kèm Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 | 15/01/2021 |
| Cụm từ “tiền chất thuốc nổ sử dụng để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp” tại Điều 2; khoản 2, 4, 6 Điều 5; Điều 6; Chương II; khoản 1 Điều 7; khoản 2 Điều 10; Chương III; khoản 1, điểm b khoản 4 Điều 14; khoản 2 Điều 18; khoản 1, điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 19; điểm a, b, c, đ, e, g khoản 1, điểm a, c, d, đ khoản 2, điểm a khoản 3, Điều 20; khoản 1, 3, 4, 5 Điều 21; Phụ lục IV; Phụ lục IX và Phụ lục X | Được thay thế bằng cụm từ “tiền chất thuốc nổ” bởi khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 | 15/01/2021 |
| - Tài liệu viện dẫn “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp số QCVN 02:2008/BCT”  - Tài liệu viện dẫn “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất thử nghiệm và nghiệm thu vật liệu nổ công nghiệp số 01:2012/BCT” tại Khoản 3 Điều 3 | Được thay thế bởi “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiêp và bảo quản tiền chất thuốc nổ số QCVN 01:2019/BCT” tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 31/2020/TT-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2020 | 15/01/2021 |
| **I.18. LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN** | | | | | |
|  | Thông tư | 23/2021/TT-BCT ngày 15/12/2021 quy định về Danh mục chủng loại, tiêu chuẩn chất lượng khoáng sản xuất khẩu do Bộ Công Thương quản lý | Điều 4; Điều 5; Điều 6 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 43/2023/TT-BCT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương **sửa đổi, bổ sung Thông tư số 23/2021/TT-BCT  ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về danh mục chủng loại, tiêu chuẩn chất lượng khoáng sản xuất khẩu do Bộ Công Thương quản lý** | 15/02/2024 |
| Phụ lục 1; Phụ lục 2; mã số hàng hóa (HS code) theo Phụ lục 1 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 43/2023/TT-BCT | 15/02/2024 |
|  | Thông tư | 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. | Điều 2 | Được bãi bỏ theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 36/2019/TT-BCT | 15/01/2020 |
| Điều 5 | Được bãi bỏ bởi Điều 8 Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 03/8/2020 |
|  | Thông tư | 15/2013/TT-BCT ngày 15/7/2013 quy định về xuất khẩu than | Khoản 1 Điều 4 | Được bãi bỏ bởi Khoản 2 Điều 1 Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 20/01/2017 |
| Khoản 2a Điều 5 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 5 Thông tư số 28/2017/TT-BCT ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. | 01/01/2018 |
| Sửa đổi Điều 7; Thay thế Phụ lục I; Bãi bỏ Khoản 2 Điều 4; Bãi bỏ Điều 5 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 03/8/2020 |
|  | Thông tư | 14/2013/TT-BCT ngày 15/7/2013 Quy định về điều kiện kinh doanh than | Điều 4 | Được ãi bỏ bởi Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 27/2016/TT-BCT ngày 05 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công Thương sửa đổi, bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 20/01/2017 |
| Sửa đổi tên Thông tư; sửa đổi Điều 1; sửa đổi Khoản 1, Khoản 2 Điều 5; bãi bỏ Khoản 3 Điều 3 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 13/2020/TT-BCT ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 03/8/2020 |
|  | Quyết định | 41/2002/QĐ-BCN ngày 04/10/2002 Quy định về kiểm tra, nghiệm thu khối lượng đất đá bóc và sản lượng than khai thác ở các mỏ lộ thiên | Điều 2, Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 24, Điều 26, Điều 27, Điều 28 | Bị thay thế bởi Thông tư số 34/2018/TT-BCT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc nghiệm thu, kiểm tra khối lượng đất đá bóc trong khai thác than bằng phương pháp lộ thiên. | 26/11/2018 |
| **I.19. LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG** | | | | | |
|  | Thông tư | 04/2016/TT-BCT ngày 06/6/2016 [sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực](https://luatvietnam.vn/hanh-chinh/thong-tu-04-2016-tt-bct-sua-doi-mot-so-thong-tu-ve-tthc-linh-vuc-thuong-mai-dien-tu-hoa-chat-105811-d1.html) | Điều 8 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 14 [Thông tư 36/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định dán nhãn năng lượng thiết bị sử dụng năng lượng](https://luatvietnam.vn/cong-nghiep/thong-tu-36-2016-tt-bct-bo-cong-thuong-111484-d1.html) | 10/2/2017 |
|  | Thông tư | 02/2014/TT-BCT ngày 16/01/2014 [quy định các biện pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho các ngành công nghiệp](https://luatvietnam.vn/cong-nghiep/thong-tu-02-2014-tt-bct-bo-cong-thuong-84663-d1.html) | Khoản 5 Điều 25 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 4 [Thông tư 29/2018/TT-BCT ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi một số thông tư về chế độ báo cáo định kỳ](https://luatvietnam.vn/cong-nghiep/thong-tu-29-2018-tt-bct-bo-cong-thuong-170788-d1.html) | 01/6/2014 |
|  | Thông tư | 39/2011/TT-BCT ngày 28/10/2011 [quy định về đào tạo, cấp chứng chỉ quản lý năng lượng và kiểm toán viên năng lượng](https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-39-2011-tt-bct-bo-cong-thuong-66247-d1.html) | Điều 4, 5, 6, Phụ lục I, Phụ lục II | Bị bãi bỏ theo quy định tại Điều 12 [Thông tư 27/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.](https://luatvietnam.vn/thuong-mai/thong-tu-27-2016-tt-bct-bo-cong-thuong-110883-d1.html) | 20/01/2017 |
| **I.20. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP NHẸ** | | | | | |
|  | Nghị định | 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá | Khoản 2 Điều 12, Khoản 4 Điều 13 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 22/3/2020 |
| Khoản 4 Điều 7; Khoản 5 Điều 9; Khoản 3,4 và 5 Điều 12; Khoản 8 và 9 Điều 13; Khoản 4,5 và 6 Điều 17; Khoản 8 và 9 Điều 18; Khoản 4 Điều 20; điểm h Khoản 1 và điểm h Khoản 2 Điều 26 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 22/3/2020 |
|  | Nghị định | 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 Về kinh doanh rượu | Điều 4; Điều 5; Khoản 4 Điều 11; Khoản 4 Điều 12; Khoản 2 Điều 14; Khoản 1 Điều 15; điểm b Khoản 1 Điều 18; điểm d Khoản 2 Điều 18; điểm d Khoản 3 Điều 18; Khoản 5 Điều 18; Khoản 3 Điều 19; Khoản 3 Điều 20; Khoản 5 Điều 21, Khoản 5 Điều 22, điểm c Khoản 1 Điều 25, điểm c Khoản 2 Điều 25; điểm b Khoản 2 Điều 28; Khoản 5 Điều 29; điểm b Khoản 3 Điều 30; Khoản 1,3 và 4 Điều 32. | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 22/3/2020 |
| Cụm từ “sản xuất rượu thủ công để bán cho doanh nghiệp có Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp để chế biến lại” tại khoản 1 Điều 6, Điều 10, Điều 17, Khoản 2 và 3 Điều 32 | Được thay thế bằng cụm từ “sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại.” quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 22/3/2020 |
| Tên Chương II | Được sửa thành “KINH DOANH RƯỢU CÓ ĐỘ CỒN TỪ 5,5 ĐỘ TRỞ LÊN” theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 22/3/2020 |
| Sửa đổi các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12 trong Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định | Được sửa đổi bởi các Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11, 12 Mục II của Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 22/3/2020 |
| Khoản 1 Điều 3; Điều 7; Khoản 2,3 và 6 Điều 11; Khoản 2,3 và 6 Điều 12; Khoản 4 và 5 Điều 13; Khoản 4 Điều 14; Khoản 3, 4 và 7 Điều 21; Khoản 3, 4 và 7 Điều 22; Khoản 5 và 6 Điều 23; Điều 24 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương | 22/3/2020 |
|  | Thông tư | 57/2018/TT-BCT ngày 26/12/2018 [quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá](https://luatvietnam.vn/thuong-mai/thong-tu-57-2018-tt-bct-huong-dan-cac-nghi-dinh-ve-kinh-doanh-thuoc-la-170474-d1.html) | Khoản 2 và khoản 4 Điều 22 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá | 01/01/2020 |
| Phụ lục 74 | Được sủa đổi, bổ sung theo quy định tại Phụ lục 1 Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của các Nghị định liên quan đến kinh doanh thuốc lá | 01/01/2020 |
| **I.21. LĨNH VỰC XĂNG DẦU** | | | | | |
|  | Nghị định | Nghị định Số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về kinh doanh xăng dầu | Khoản 2 Điều 2; Khoản 1, khoản 3, khoản 7, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 3; khoản 17, khoản 18, khoản 19, khoản 20 vào Điều 3; Mẫu số 1, Mẫu số 2, Mẫu số 3 Phụ lục của Nghị định số [83/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-248283.aspx); khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 7 Điều 7; điểm a, điểm d khoản 2 và khoản 6 Điều 8; khoản 1, khoản 2, khoản 7, khoản 11, khoản 18 Điều 9 và bổ sung khoản 20, khoản 21 Điều 9;khoản 1, khoản 3, khoản 8 Điều 11; khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 13; điểm d khoản 2 Điều 14; Khoản 1, khoản 4 Điều 15; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 16; điểm d khoản 3 Điều 17; khoản 2 Điều 19; khoản 3 Điều 20; khoản 2 Điều 22; khoản 2, khoản 3 Điều 24; điểm a, điểm d khoản 2 Điều 25; khoản 6 Điều 26; Khoản 1 và khoản 4 Điều 29;  Điều 31; Điều 33; Điều 34; Điều 37; Điều 38; khoản 2 Điều 39; điểm đ khoản 1, điểm a, b khoản 2; sửa đổi điểm b và bổ sung khoản 6 Điều 41 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tạiNghị định số 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 3 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu | 02/01/2022 |
| Bỏ khái niệm “đồng sở hữu” | Bị bãi bỏ theo quy định tạiNghị định số 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 3 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu | 02/01/2022 |
| Đổi tên thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu quy định tại Nghị định số [83/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-248283.aspx" \o "Nghị định 83/2014/NĐ-CP" \t "_blank) thành thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. Đổi tên Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu thành Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu. | Được dửa đổi, bổ sung theo quy định tạiNghị định số 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 3 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu | 02/01/2022 |
| Khoản 4 Điều 13; Khoản 6 Điều 14; Điều 15; Khoản 8 Điều 20; Khoản 2, khoản 3 và khoản 11 Điều 21; Khoản 6 Điều 25;  Khoản 9, khoản 10 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 40; Điểm đ khoản 2 Điều 40 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 80/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [95/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-95-2021-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-83-2014-nd-cp-465893.aspx) ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số [83/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-248283.aspx) ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. | 17/11/2023 |
|  | Nghị định | Nghị định số 95/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 3 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu | Điểm d khoản 7 Điều 1 và điểm 6 khoản 7 Điều 1; Khoản 8 Điều 1; Điểm 1, điểm 4, điểm 6 khoản 26 Điều 1; Điểm 3 khoản 27 Điều 1; Khoản 28 Điều 1 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [95/2021/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-95-2021-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-83-2014-nd-cp-465893.aspx) ngày 01 tháng 11 năm 2021 và Nghị định số [83/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-248283.aspx) ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. | 17/11/2023 |
|  | Thông tư | Thông tư số [38/2014/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-38-2014-tt-bct-huong-dan-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-254945.aspx) ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số [83/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-248283.aspx) ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu. | Khoản 1 Điều 1; một số khoản của Điều 2; Điều 6; Khoản 7 Điều 7; Điều 12; Khoản 4 Điều 13; Khoản 3 và khoản 4 Điều 14; Đểm c khoản 3 Điều 16 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [38/2014/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-38-2014-tt-bct-huong-dan-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-254945.aspx) ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số [83/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-248283.aspx) ngày 03 tháng 9 năm 2014 về kinh doanh xăng dầu | 02/01/2022 |
| - Cụm từ “thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu”  - Cụm từ “Giấy phép kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu” | - Được thay thế bằng cụm từ “thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu” theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [38/2014/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-38-2014-tt-bct-huong-dan-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-254945.aspx) ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số [83/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-248283.aspx);  - Được thay thế bằng cụm từ “Giấy xác nhận đủ điều kiện làm thương nhân đầu mối kinh doanh xăng dầu” theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [38/2014/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-38-2014-tt-bct-huong-dan-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-254945.aspx) ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số [83/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-248283.aspx). | 02/01/2022 |
| Khoản 2 Điều 3 và khoản 10 Điều 7 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [38/2014/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-38-2014-tt-bct-huong-dan-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-254945.aspx) ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số [83/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-248283.aspx) ngày 03 | 02/01/2022 |
|  | Thông tư | 28/2017/TT-BCT ngày 08/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số thông tư trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, kinh doanh đánh giá sự phù hợp, xuất nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. | Điều 1 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [38/2014/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-38-2014-tt-bct-huong-dan-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-254945.aspx) ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số điều của Nghị định số [83/2014/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-83-2014-nd-cp-kinh-doanh-xang-dau-248283.aspx) ngày 03 | 02/01/2022 |
| **I.22. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ** | | | | | |
| **I.23. LĨNH VỰC KINH DOANH XUẤT KHẨU GẠO** | | | | | |
|  | Thông tư | 30/2018/TT-BCT ngày 01/10/2018 [quy định chi tiết một số điều của Nghị định 107/2018/NĐ-CP ngày 15/08/2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo](https://luatvietnam.vn/thuong-mai/thong-tu-30-2018-tt-bct-huong-dan-nghi-dinh-107-2018-nd-cp-ve-xuat-khau-gao-167592-d1.html) | Phụ lục I - Danh mục chi tiết theo mã HS đối với thóc, gạo xuất khẩu | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 41/2019/TT-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương bổ sung Danh mục chi tiết theo mã số HS của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại một số Thông tư của Bộ Công Thương | 29/01/2020 |
| **I.24. LĨNH VỰC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG** | | | | | |
|  | Pháp lệnh | 11/2016/UBTVQH13 ngày 08/3/2016;  Quản lý thị trường. | Điểm a khoản 1 Điều 4. | Được sửa đổi, bổ sung thẹo quy định tại Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 ngày 22/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch. | 01/01/2019 |
|  | Thông tư | 54/2020/TT-BCT ngày 31/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [18/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-18-2019-tt-bct-hoat-dong-cong-vu-cua-luc-luong-quan-ly-thi-truong-426091.aspx" \t "_blank) ngày 30/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường. | Nội dung sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 18/2019/TT-BCT quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 54/2020/TT-BCT. | Bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số [22/2021/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-22-2021-tt-bct-quan-ly-bieu-mau-trong-xu-ly-vi-pham-hanh-chinh-quan-ly-thi-truong-497406.aspx) ngày 10/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng biểu mẫu trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường. | 01/02/2022 |
|  | Thông tư | 18/2019/TT-BCT ngày 30/9/2019 Quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường. | Điểm c khoản 1 Điều 1; Điều 2; Khoản 3 Điều 4; Điều 6; Khoản 3 Điều 7; điểm b và điểm c khoản 3 Điều 8; khoản 2 Điều 12; Điều 15; Điều 16. | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số [54/2020/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-54-2020-tt-bct-sua-doi-thong-tu-18-2019-tt-bct-hoat-dong-cua-quan-ly-thi-truong-461487.aspx) ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [18/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-18-2019-tt-bct-hoat-dong-cong-vu-cua-luc-luong-quan-ly-thi-truong-426091.aspx) ngày 30/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số [20/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xuat-nhap-khau/thong-tu-20-2019-tt-bct-kiem-tra-viec-chap-hanh-phap-luat-luc-luong-quan-ly-thi-truong-428224.aspx) ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường. | 15/02/2021 |
| Điều 10, Điều 11, Điều 13 và Điều 14. | Bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số [54/2020/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-54-2020-tt-bct-sua-doi-thong-tu-18-2019-tt-bct-hoat-dong-cua-quan-ly-thi-truong-461487.aspx) ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [18/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-18-2019-tt-bct-hoat-dong-cong-vu-cua-luc-luong-quan-ly-thi-truong-426091.aspx) ngày 30/9/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số [20/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xuat-nhap-khau/thong-tu-20-2019-tt-bct-kiem-tra-viec-chap-hanh-phap-luat-luc-luong-quan-ly-thi-truong-428224.aspx) ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường. | 15/02/2021 |
| Điểm a khoản 3 Điều 4; Khoản 3 Điều 19. | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 22/2021/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng biểu mẫu trong hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường. | 01/02/2022 |
|  | Thông tư | [27/2020/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-27-2020-tt-bct-kiem-tra-xu-ly-vi-pham-hanh-chinh-cua-luc-luong-quan-ly-thi-truong-455670.aspx) ngày 30/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường | Khoản 2 Điều 14; Điểm b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 18; Khoản 2 Điều 19; Đoạn mở đầu khoản 1 Điều 20; Đoạn mở đầu khoản 1 Điều 22; Điều 24; Điểm b khoản 2 Điều 25; Đoạn mở đầu khoản 2 Điều 29; Điểm h khoản 2 Điều 30; Khoản 2 Điều 32; Khoản 1 Điều 33. | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 20/2021/TT-BCT ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [27/2020/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-27-2020-tt-bct-kiem-tra-xu-ly-vi-pham-hanh-chinh-cua-luc-luong-quan-ly-thi-truong-455670.aspx) ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường | 01/02/2022 |
| Cụm từ “3. Người ban hành phương án kiểm tra chịu trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc thực hiện phương án kiểm tra của Đoàn kiểm tra.” tại Điều 12 | Được thay thế theo quy định tại Thông tư số [20/2021/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-20-2021-tt-bct-sua-doi-thong-tu-27-2020-tt-bct-497912.aspx) ngày 10/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [27/2020/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-27-2020-tt-bct-kiem-tra-xu-ly-vi-pham-hanh-chinh-cua-luc-luong-quan-ly-thi-truong-455670.aspx) ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường. | 01/02/2022 |
| Khoản 3 Điều 3 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số [20/2021/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-20-2021-tt-bct-sua-doi-thong-tu-27-2020-tt-bct-497912.aspx) ngày 10/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [27/2020/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-27-2020-tt-bct-kiem-tra-xu-ly-vi-pham-hanh-chinh-cua-luc-luong-quan-ly-thi-truong-455670.aspx) ngày 30/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về nội dung, trình tự, thủ tục hoạt động kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính và thực hiện các biện pháp nghiệp vụ của lực lượng Quản lý thị trường. | 01/02/2022 |
|  | Thông tư | [20/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xuat-nhap-khau/thong-tu-20-2019-tt-bct-kiem-tra-viec-chap-hanh-phap-luat-luc-luong-quan-ly-thi-truong-428224.aspx) ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường | Điểm c khoản 2 Điều 5; Điểm c, điểm đ và điểm e khoản 1 Điều 6; Điều 8; Điểm a khoản 2 Điều 11; Khoản 1 Điều 20 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số [54/2020/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/thong-tu-54-2020-tt-bct-sua-doi-thong-tu-18-2019-tt-bct-hoat-dong-cua-quan-ly-thi-truong-461487.aspx) ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [18/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-18-2019-tt-bct-hoat-dong-cong-vu-cua-luc-luong-quan-ly-thi-truong-426091.aspx) ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường và Thông tư số [20/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xuat-nhap-khau/thong-tu-20-2019-tt-bct-kiem-tra-viec-chap-hanh-phap-luat-luc-luong-quan-ly-thi-truong-428224.aspx) ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định kiểm tra nội bộ việc chấp hành pháp luật trong hoạt động công vụ của lực lượng Quản lý thị trường) | 15/02/2021 |
| **I.25. LĨNH VỰC XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH** | | | | | |
|  | Nghị định | [98/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-98-2020-nd-cp-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-hoat-dong-san-xuat-buon-ban-hang-gia-406627.aspx) ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng | Khoản 4 Điều 4; khoản 7 Điều 6; điểm c khoản 11 Điều 8; điểm b khoản 3 Điều 9; điểm c khoản 3 Điều 10; điểm b khoản 3 Điều 11; điểm c khoản 3 Điều 12; điểm b khoản 3 Điều 13; điểm c khoản 3 Điều 14; điểm b khoản 4 Điều 15; điểm b khoản 3 Điều 19; điểm b khoản 2 Điều 20; khoản 3 Điều 21; điểm b khoản 2 Điều 22; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; Điều 30; khoản 6 Điều 31; điểm b khoản 4 Điều 32; điểm d khoản 1, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 33; khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 35; khoản 4 của Điều 38; khoản 7 Điều 41; điểm b khoản 6 Điều 43; khoản 6 Điều 44; khoản 4 Điều 47; điểm a, điểm đ khoản 1, điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 62; điểm a khoản 1, điểm đ khoản 3 Điều 63; điểm a khoản 1, điểm b khoản 5 Điều 64; điểm a và điểm b khoản 1, điểm a khoản 2, điểm c khoản 3, khoản 5 Điều 65; điểm a khoản 3, điểm a, điểm d khoản 4,  điểm a khoản 6 Điều 66; khoản 6 Điều 67; Điều 68; khoản 6 Điều 69; điểm b khoản 3 Điều 73; cụm từ “thương nhân” tại điểm i khoản 6; điểm c, điểm d, điểm đ, điểm n và điểm p khoản 7, điểm d và điểm e khoản 8, điểm e khoản 9  Điều 73; điểm b khoản 5 Điều 74; khoản 2 Điều 80; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 85; Điều 86; Điều 87. | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí | 31/01/2022 |
| Khoản 6 Điều 6; điểm d khoản 11 Điều 8; điểm d khoản 3 Điều 10; điểm d khoản 3 Điều 12; điểm d khoản 3 Điều 14; điểm b khoản 3 Điều 18; khoản 1, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 23; điểm c khoản 3, khoản 4 và điểm b khoản 6 Điều 33; điểm d khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 6 Điều 41;  khoản 7 Điều 61; điểm a khoản 5 Điều 67; điểm a khoản 5 Điều 69. | Bị bãi bỏ theo quy định tại Nghị định số [17/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-17-2022-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hoa-chat-502253.aspx) ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí. | 31/01/2022 |
|  | Nghị định | [99/2020/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/nghi-dinh-99-2020-nd-cp-quy-dinh-ve-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-dau-khi-316351.aspx) ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí | Khoản 7 Điều 20; khoản 4 Điều 39; khoản 6 Điều 40; khoản 5 Điều 42; điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 43; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 59; Điều 60; Điều 61; Điều 62; Điều 63. | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí | 31/01/2022 |
| Điểm a khoản 6 Điều 20; khoản 5 Điều 21; điểm a khoản 5 Điều 36; điểm a khoản 5 Điều 38; điểm a khoản 3 Điều 39; điểm a khoản 5 Điều 40; a khoản 4 Điều 42; điểm b khoản 5 Điều 44; điểm b khoản 4 Điều 45; điểm b khoản 4 Điều 46; điểm a khoản 5 Điều 52; điểm b khoản 4 Điều 53. | Bị bãi bỏ theo quy định tại Nghị định số [17/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-17-2022-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hoa-chat-502253.aspx) ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí. | 31/01/2022 |
|  | Nghị định | 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp. | Điểm a khoản 2 Điều 2; khoản 3 Điều 5; khoản 2 Điều 14; khoản 2 Điều 15; khoản 1, 2, 5, 7, 8 Điều 16; khoản 1, 2, 5, 7, 8 Điều 17; Điều 18; khoản 1, 4 Điều 19; khoản 2, 7 Điều 24; khoản 1 Điều 26; Điều 27; Điều 29; khoản 4 Điều 30; khoản 1, 2, 5, 6 Điều 31; khoản 1, 4 Điều 32; khoản 6 Điều 51; điểm c khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 58; điểm c khoản 1, đoạn mở đầu khoản 2, điểm d khoản 2, điểm d khoản 3, đoạn mở đầu khoản 4 Điều 59; đoạn mở đầu khoản 2, đoạn mở đầu khoản 3, điểm c khoản 3, đoạn mở đầu khoản 4, điểm d khoản 4, điểm d khoản 5, đoạn mở đầu khoản 6 Điều 60; Điều 61; đoạn mở đầu khoản 2, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 Điều 62; khoản 3, 4 Điều 63; điểm c khoản 4, đoạn mở đầu khoản 5, điểm c khoản 5, khoản 6 Điều 64; điểm a khoản 1, điểm b khoản 1, điểm e khoản 2, điểm p khoản 2, điểm q khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 7 Điều 65. | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số [17/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-17-2022-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hoa-chat-502253.aspx) ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí. | 31/01/2022 |
| Khoản 3 Điều 14; khoản 4 Điều 15; khoản 3 Điều 16; khoản 3 Điều 17; khoản 3 Điều 19; khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 32; điểm d khoản 5 Điều 51. | Bị bãi bỏ theo quy định tại Nghị định số [17/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-17-2022-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hoa-chat-502253.aspx) ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí. | 31/01/2022 |
|  | Nghị định | 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả | - Tên Nghị định; Điều 1; Điều 2; Điều 3; Điều 4; Điều 5; Điều 6; Điều 7; Điều 8; Điều 9; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 14; Điều 15; Điều 16; Điều 17; Điều 18; Điều 19; khoản 5 Điều 20; khoản 2, 4 Điều 21; Điều 22; khoản 4 Điều 23; khoản 4 Điều 24; khoản 2 Điều 25; Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 4 Điều 28; Điều 29; Điều 30; khoản 2 Điều 31; Điều 32; Chương III; tên Điều 46; Điều 47. | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số [17/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-17-2022-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hoa-chat-502253.aspx) ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí. | 31/01/2022 |
| Tên mục 1 “Mục 1. Lĩnh vực điện lực” tại Chương II; tên mục 2 “Mục 2. Lĩnh vực an toàn đập thủy điện” tại Chương II; tên mục 3 “Mục 3. Lĩnh vực sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả” tại Chương II; Khoản 4 Điều 20; khoản 3 Điều 23; khoản 3 Điều 28. | Bị bãi bỏ theo quy định tại Nghị định số [17/2022/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/nghi-dinh-17-2022-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-linh-vuc-hoa-chat-502253.aspx) ngày 31/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp; điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; hoạt động dầu khí, kinh doanh xăng dầu và khí. | 31/01/2022 |
| **I.26. LĨNH VỰC THANH TRA** | | | | | |
| **I.27. LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT** | | | | | |
|  | Thông tư | 40/2019/TT-BCT ngày 19/11/2021 Hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương. | Điểm a khoản 1 Điều 14; khoản 1 Điều 20; khoản 2 và khoản 5 Điều 22; khoản 1 Điều 23; khoản 1 và khoản 4 Điều 25. | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BCT ngày 19/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [40/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-40-2019-tt-bct-huong-dan-thi-hanh-cong-tac-thi-dua-khen-thuong-trong-nganh-cong-thuong-432195.aspx" \t "_blank) ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương. | 19/01/2022 |
| Khoản 5 Điều 13. | Bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BCT ngày 19/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [40/2019/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-40-2019-tt-bct-huong-dan-thi-hanh-cong-tac-thi-dua-khen-thuong-trong-nganh-cong-thuong-432195.aspx) ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn thi hành công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Công Thương. | 19/01/2022 |
| **I.28. LĨNH VỰC QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ** | | | | | |
|  | Thông tư | 45/2015/TT-BCT ngày 10/12/2015 Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương | Điều 8, Điều 1,  khoản 2 Điều 12, Điểm a khoản 2 Điều 13, khoản 3 và 4 Điều 18, Điều 19, Điều 21, khoản 1 Điều 22,  điểm a khoản 3 Điều 22, Điều 25, khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 27, điểm a khoản 5 Điều 27 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 37/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2014/TT-BCT ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Công Thương | 10/02/2017 |
|  | Thông tư | 41/2015/TT-BCT ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương | Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương | Bị thay thế bởi:  - Thông tư số 29/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương;  - Thông tư số 33/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung mã số HS trong Danh mục ban hành kèm Thông tư số 29/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương | 01/02/2017  01/01/2018 |
| **I.29. LĨNH VỰC KHÁC** | | | | | |
|  | Nghị định | 59/2006/NĐ-CP ngày 12/6/2006 quy định chi tiết Luật Thương mại về hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện | Phụ lục I-Danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 43/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2009 sửa đổi, bổ sung Danh mục hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh của Nghị định 59/2006/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2006 hướng dẫn thi hành Luật Thương mại về hàng hoá, dịch vụ cấm kinh doanh, hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện |  |
|  | Thông tư | 25/2020/TT-BCT ngày 09/9/2020 [quy định về việc lập kế hoạch, báo cáo thực hiện kế hoạch sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, thực hiện kiểm toán năng lượng](https://luatvietnam.vn/cong-nghiep/thong-tu-25-2020-tt-bct-thuc-hien-ke-hoach-su-dung-nang-luong-tiet-kiem-va-hieu-qua-191846-d1.html) | Khoản 1 Điều 6 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số [15/2023/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-15-2023-tt-bct-sua-doi-thong-tu-huong-dan-chuc-nang-nhiem-vu-so-cong-thuong-572124.aspx) ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương | 22/8/2023 |
|  | Thông tư | [30/2016/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/dich-vu-phap-ly/thong-tu-30-2016-tt-bct-giam-dinh-tu-phap-trong-linh-vuc-cong-thuong-324789.aspx) ngày 13/12/2016 | Khoản 1 Điều 1; Khoản 3 Điều 3; Điểm c khoản 1 Điều 4; Khoản 1 Điều 5; Khoản 1 Điều 6; Khoản 2 Điều 7; Điểm a khoản 1 Điều 8; Điểm a khoản 2 Điều 8; Khoản 1, 4 Điều 9; Điểm a khoản 3 Điều 11; Khoản 2 Điều 16; Điều 19 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 31 tháng 3 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương | 20/5/2021 |
| - Cụm từ “Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin” tại khoản 3 Điều 12  - Cụm từ “10 ngày làm việc” tại khoản 3 Điều 13.  - Cụm từ “Đối với trường hợp trưng cầu đích danh phải được chứng thực theo quy định của pháp luật” tại Mẫu số 1 của Phụ lục III. | Được thay thế, bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số 01/2021/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 31 tháng 3 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương | 20/5/2021 |
|  | Thông tư | 04/2022/TT-BCT ngày 28/01/2022 [hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương](https://luatvietnam.vn/co-cau-to-chuc/thong-tu-04-2022-tt-bct-huong-dan-chuc-nang-quyen-han-cua-cac-co-quan-chuyen-mon-ve-cong-thuong-216510-d1.html) | - Khoản 1 Điều 1  - Điểm d khoản 1; đoạn 5 điểm c khoản 4; đoạn 9 điểm c khoản 4; đoạn 4 điểm l khoản 4; điểm q khoản 4; đoạn 1 điểm a khoản 5; điểm n khoản 5 của Điều 2 | Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số [15/2023/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-15-2023-tt-bct-sua-doi-thong-tu-huong-dan-chuc-nang-nhiem-vu-so-cong-thuong-572124.aspx) ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương | 15/3/2022 |
| Đoạn 3 điểm g khoản 4 Điều 2 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Thông tư số [15/2023/TT-BCT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-15-2023-tt-bct-sua-doi-thong-tu-huong-dan-chuc-nang-nhiem-vu-so-cong-thuong-572124.aspx) ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương | 15/3/2022 |
| 1. 8 | Thông tư | 42/2019/TT-BCT ngày 18 /12/2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về chế độ báo cáo định kỳ tại các Thông tư do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành hoặc liên tịch ban hành | Điều 1 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 Thông tư 25/2020/TT-BCT | 13/11/2020 |
| Khoản 1 Điều 14 | Bị bãi bỏ theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Thông tư 42/2020/TT-BCT | 01/04/2021 |
| - Điều 28 (bổ sung Điều 37 và mẫu số 01 và mẫu số 02 vào Phụ lục 4 tại Thông tư số 27/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về kiểm tra hoạt động điện lực và sử dụng điện, giải quyết tranh chấp hợp đồng mua bán điện);  - Mục 12 và mục 13 Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư | Bị bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 32 Thông tư số 42/2022/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2022 | 16/02/2023 |
| **Tổng số (I): văn bản** | | | | | |
| **II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 0 văn bản** | | | | | |
| **STT** | **Tên loại**  **văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản** | **Nội dung, quy định**  **hết hiệu lực, ngưng hiệu lực[[3]](#endnote-3)** | **Lý do hết hiệu lực,**  **ngưng hiệu lực** | **Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực** |

**B. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC, NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN TRƯỚC NGÀY 01/01/2019[[4]](#footnote-1)**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên loại**  **văn bản** | **Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm**  **ban hành văn bản; tên gọi của văn bản** | **Nội dung, quy định**  **hết hiệu lực,ngưng hiệu lực** | **Lý do hết hiệu lực,**  **ngưng hiệu lực** | **Ngày hết hiệu lực, ngưng hiệu lực** |
| **I. VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 0 văn bản** | | | | | |
| **II. VĂN BẢN NGƯNG HIỆU LỰC MỘT PHẦN: 0 văn bản** | | | | | |

1. Sắp xếp theo thứ tự giá trị hiệu lực từ cao xuống thấp [↑](#endnote-ref-1)
2. Ghi cụ thể nội dung điều, khoản, điểm, đoạn, cụm từ, từ….đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế và/hoặc bãi bỏ [↑](#endnote-ref-2)
3. Ghi cụ thể nội dung điều, khoản, điểm, đoạn, cụm từ, từ….đã được sửa đổi, bổ sung, thay thế và/hoặc bãi bỏ [↑](#endnote-ref-3)
4. Bao gồm các văn bản hết hiệu lực, ngưng hiệu lực một phần thuộc đối tượng của kỳ công bố trước nhưng chưa được công bố. [↑](#footnote-ref-1)